

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/KDTM-ST
Ngày: 26-11-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hồng Phúc

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Tài, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 29/2015/TLST-KDTM, ngày 21 tháng 10 năm 2015, về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-KDTM, ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng X.

Địa chỉ: Số 1, đường A, phường B, quận C, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Kiện H; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng X – Chi nhánh huyện M, Vĩnh Long.

Địa chỉ: Số 2, Đường D, ấp Đ, xã E, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

(theo văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC, ngày 27/12/2019).

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Minh P; chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch H - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

(theo văn bản ủy quyền số 24/NHNoMT-UQ, ngày 14/5/2021).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Kim Q, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp I, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

(Địa chỉ cũ: ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông NLQ1, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ông NLQ2, sinh năm 1952 (vắng mặt).

3/ Bà NLQ3, sinh năm 1958 (vắng mặt).

4/ Anh NLQ4, sinh năm 1978 (vắng mặt).

5/ Chị NLQ5, sinh năm 1979 (vắng mặt).

6/ Anh NLQ6, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

7/ Ông NLQ7, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

8/ Ông NLQ8, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

9/ Bà NLQ9, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Minh P trình bày: Nguyên đơn Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H (Ngân hàng), có ký Hợp đồng tín dụng 7302LAV201202480 ngày 18/04/2012, có nội dung: Ngân hàng cho bà Lê Thị Kim Q vay số tiền gốc 50.000.000đ, mục đích vay vốn chăn nuôi bò thịt; thời hạn cho vay là 12 tháng, hạn trả nợ ngày 15/04/2013, lãi suất tại thời điểm ký kết hợp đồng thỏa thuận là 16,50% / năm, có điều chỉnh trong trường hợp lãi suất cơ bản do Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước có thay đổi, lãi quá hạn là 150% lãi thỏa thuận, lãi trả hàng tháng.

Ngày 14/09/2012 Ngân hàng có ký tiếp tục Hợp đồng tín dụng số 7302LAV201206629 với bà Q, cho bà Q vay số tiền gốc 340.000.000đ, mục đích vay vốn là mua ghe, máy, thời hạn cho vay là 60 tháng. Hạn trả nợ phân kỳ: Ngày 10/09/2013, số tiền là 10.000.000đ; ngày 10/09/2014, số tiền là: 50.000.000đ; ngày

10/09/2015, số tiền là 60.000.000đ; ngày 10/09/2016, số tiền là 100.000.000đ; ngày 10/09/2017, số tiền: 120.000.000đ. Lãi suất tại thời điểm ký kết hợp đồng thỏa thuận là 14,50% / năm (lãi suất hiện tại là 13%/ năm) và có điều chỉnh trong trường hợp lãi suất cơ bản do Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước có thay đổi, lãi quá hạn là 150% lãi thỏa thuận, lãi trả theo gốc.

Bà Q có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 7302.LCL.201206256, ngày 24/11/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 7302.LCP.201206257, ngày 14/9/2012 là Quyền sử dụng đất của ông NLQ2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 115428, thuộc thửa 689, diện tích 1.870m², loại đất thổ quả, do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện M, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 16/10/1993 và căn nhà của ông NLQ2 (theo Giấy xác nhận sở hữu nhà của Ông NLQ2, được UBND xã L xác nhận ngày 24/10/2011) diện tích 112 m², loại nhà cấp 4 có trên thửa đất 689.

Thực hiện hợp đồng giữa Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H với bà Q thì:

Theo Hợp đồng tín dụng 7302LAV201202480 ngày 18/04/2012 thì bà Q, ông NLQ1 trả lãi đến ngày 31/3/2014 là 14.140.277 đồng thì ngưng, đến nay không trả gốc.

Theo Hợp đồng tín dụng số 7302LAV201206629, ngày 14/9/2012 thì bà Q, ông NLQ1 trả lãi đến ngày 30/9/2013 là 48.765.556 đồng, ngày 19/9/2013 trả được 10.000.000đ, đến nay không trả thêm gốc, lãi.

Do bà Q vi phạm nghĩa vụ không thực hiện đúng hợp đồng, nên Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H, khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu bà Lê Thị Kim Q, ông NLQ1 phải có trách nhiệm liên đới trả Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H tiền gốc và lãi vay theo các Hợp đồng tín dụng số 7302LAV201206629 ký ngày 14/9/2012; Hợp đồng số 7302LAV201202480 ký ngày 18/4/2012 với tổng số tiền gốc gốc là 380.000.000đ, lãi tính đến ngày 431.677.111 đồng (trong đó lãi trong hạn là 341.156.944 đồng, lãi quá hạn 90.520.167 đồng), tổng cộng gốc, lãi là 811.677.111 đồng và buộc bà Q, ông NLQ1 tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 27/11/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc theo 02 hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa người đại theo ủy quyền của Ngân hàng không yêu cầu ông NLQ2, bà NLQ3, anh NLQ4, chị NLQ5, anh NLQ6 liên đới trả nợ vay Ngân hàng.

2. Trường hợp bà Lê Thị Kim Q, ông NLQ1 không trả được nợ vay, thì Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản theo các hợp đồng thế chấp thế để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn Lê Thị Kim Q trình bày: Qua yêu cầu của Ngân hàng bà không đồng ý trả nợ, bà Q có ký hợp đồng tín dụng ngày 18/4/2012 nhưng ký là vay giùm cho ông NLQ1, còn hợp đồng ngày 14/9/2012 bà Q không có ký, bà Q không có nhận tiền vay. Tài sản thế chấp để vay tiền Ngân hàng bà Q không biết của ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 trình bày: Về nội dung 02 hợp đồng tín dụng như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng.

Qua trình bày đại diện Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H ông NLQ1 đồng ý theo yêu cầu Ngân hàng. Việc ký kết hợp đồng tín dụng số 7302LAV201202480 ngày 18/04/2012 là do bà Q ký. Hợp đồng tín dụng số 7302LAV201206629 ngày 14/09/2012 thì em ông NLQ1 là bà Q không có ký, là do ông NLQ1 và ông NLQ8 cán bộ Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H ký (thời điểm ông NLQ7 là Giám đốc Phòng giao dịch Hòa Mỹ), các hợp đồng tín dụng vay vốn Ngân hàng là do ông NLQ8 nhờ ông NLQ1, bà Q đứng tên vay giùm ông Dũng. Ông NLQ1 thừa nhận đã nhận tiền hai hợp đồng tín dụng nêu trên vay tổng số tiền gốc là 390.000.000đ, ông NLQ1 giao lại cho ông NLQ8 là 50.000.000, còn lại ông NLQ1 cùng ông NLQ8 giao lại cho bà NLQ9 (chị ông NLQ8) là 340.000.000đ (bà NLQ9 có viết biên nhận kể cả phần ông NLQ8 nhận 50.000.000 đồng). Về thế chấp tài sản để vay tiền thì ông NLQ1 không biết mà do ông NLQ8 làm tất cả các hợp đồng sau đó đưa ông NLQ1 ký. Về xử lý tài sản thế chấp cho Ngân hàng nhờ Tòa án xem xét giải quyết theo luật định.

Nay yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm trả nợ của bà NLQ9 đối với Ngân hàng, trường hợp Tòa án không chấp nhận thì ông NLQ1 sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ2 trình bày: Qua trình bày của đại diện Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H, ông NLQ2 không đồng ý trả tiền, không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp, ông NLQ2 xác định có ký đơn yêu cầu thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 24/10/2011 và Hợp đồng thế chấp, giấy thỏa thuận giao dịch tài sản chung, nhưng nội dung trong đơn ông NLQ2 không biết là vay Ngân hàng vì lúc đó ông NLQ2 có nợ bà NLQ9 số tiền mua cám là 5.000.000đ, nên bà NLQ9 yêu cầu ông NLQ2 giao quyền sử dụng đất cho bà NLQ9 làm thủ tục tách thửa để trả nợ, nên mới ký. Đến khi Ngân hàng xuống yêu cầu ông NLQ2 trả tiền thì ông mới biết.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ3 trình bày: Bà NLQ3 thống nhất với trình bày của chồng là ông NLQ2, bà NLQ3 xác nhận không ký bất kỳ giấy tờ liên quan tới việc vay vốn Ngân hàng. Không đồng ý toàn bộ yêu cầu Ngân hàng, không đồng ý liên đới trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NLQ7 trình bày: Hợp đồng tín dụng số 7302LAV201202480 ký ngày 18/04/2012 và hợp đồng tín dụng số 7302LAV201206629 ký ngày 14/09/2012 cùng hai hợp đồng thế chấp tài sản là do ông NLQ7 xét duyệt cho vay, việc xét cho vay do cán bộ tính dụng phụ trách thẩm định trình và khi thấy đầy đủ các yếu tố về mặt giấy tờ thì ký xét duyệt cho vay, ngoài ra không ý kiến gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NLQ8 trình bày: Qua trình bày của nguyên đơn, bị đơn bà Q, ông NLQ1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NLQ2, bà NLQ3, ông NLQ8 xác nhận ông NLQ8 là cán bộ Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H là người trực tiếp thẩm định và cho vay hai hồ sơ tính dụng số 7302LAV201206629 ký ngày 14/09/2012 và số 7302LAV201202480 ký ngày 18/04/2012 và Tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay là của ông NLQ2.

Hợp đồng tín dụng số 7302LAV201202480 ký ngày 18/04/2012, trong đó tất cả các chữ ký trên ông NLQ8 xác định là do bà Q ký. Hợp đồng tín dụng số 7302LAV201206629 ký ngày 14/09/2012, thì ông NLQ8 làm xong đưa cho ông NLQ1 đem về giao lại cho bà Q ký, việc ai ký trong hợp đồng thì ông NLQ8 không xác định. Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 24/10/2011 ông NLQ8 xác nhận người đại diện Bên C theo hợp đồng là do ông NLQ1 ký, riêng chữ ký của ông NLQ2 và bà NLQ3 ông NLQ8 không xác định được, lúc xác nhận không phải ông NLQ8 mang ra Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long ký xác nhận. Ông NLQ8 trình bày ông chỉ lập hồ sơ sao đó giao lại cho bà NLQ9, khi làm xong bà NLQ9 mới giao cho ông NLQ8, sau đó trình cho lãnh đạo là ông NLQ7 ký duyệt. Giấy xác nhận sở hữu nhà ngày 24/10/2011 là do ông NLQ8 lập giao cho bà NLQ9 đem xác nhận, nên không xác định được chữ ký của ai. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ngày 14/09/2012 ông NLQ8 xác nhận là người đại diện Bên C theo hợp đồng là do ông NLQ1 ký, riêng chữ ký của ông NLQ2 và bà NLQ3 ông NLQ8 không xác định được, lúc xác nhận không phải ông NLQ8 mang ra Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long ký xác nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ9 trình bày: Qua trình bày của nguyên đơn, bị đơn bà Q, ông NLQ1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NLQ2, bà NLQ3, ông NLQ8 bà NLQ9 xác định bà có nhận số tiền vay do ông NLQ1 giao lại cho bà là 390.000.000đ, hai hợp đồng vay tài sản bà không biết, riêng bà xác định Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 24/10/2011 và Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ngày 14/09/2012 gồm tài sản gắn liền là quyền sử dụng đất và nhà trên đất là do ông NLQ2 ký và đem ra Ủy ban nhân dân xã L xác nhận, sau đó giao lại cho bà NLQ9, bà NLQ9 giao lại cho ông NLQ8 làm thủ tục.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo hợp lệ cho anh NLQ4, chị NLQ5, NLQ6 nhưng vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán; Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Nêu nội dung vụ án và nhận xét đánh giá chứng cứ và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 127, 122 Bộ luật dân sự năm 2005 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng. Buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 trả gốc, lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp không trả được nợ thì có quyền yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 phải chịu.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm buộc bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 liên đới nộp phí giá ngạch của sổ tiền phải trả theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H (Ngân hàng) khởi kiện bị đơn bà Q việc vay tiền với mục đích chăn nuôi bò thịt và mua ghe, máy phát sinh theo Hợp đồng tín dụng là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thị xã, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng bị đơn và tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa người đại theo ủy quyền của Ngân hàng không yêu cầu ông NLQ2, bà NLQ3, anh NLQ4, chị NLQ5, anh NLQ6 liên đới trả nợ vay Ngân hàng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện, phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng:

1. Yêu cầu bà Lê Thị Kim Q, ông NLQ1 phải có trách nhiệm liên đới trả Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H tiền gốc và lãi vay theo các Hợp đồng tín dụng số 7302LAV201206629 ký ngày 14/9/2012; Hợp đồng số 7302LAV201202480 ký ngày 18/4/2012 với tổng số tiền gốc là 380.000.000đ, lãi tính đến ngày 431.677.111 đồng (trong đó lãi trong hạn là 341.156.944 đồng, lãi quá hạn 90.520.167 đồng), tổng cộng gốc, lãi là 811.677.111 đồng và buộc bà Q, ông NLQ1 tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 27/11/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc theo 02 hợp đồng tín dụng.

2. Trường hợp bà Lê Thị Kim Q, ông NLQ1 không trả được nợ vay, thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Mang Thít – Phòng giao dịch H đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản theo các hợp đồng thế chấp thế để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án chuyển toàn bộ hồ sơ sang Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành xem xét có dấu hiệu vi phạm quy định về cho vay trong các tổ chức tín dụng xảy ra tại Chi nhánh Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H. Theo Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 11/CQCSĐT, ngày 09/7/2015 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long với lý do không có dấu hiệu phạm tội.

Giữa nguyên đơn Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H với bị đơn bà Q, ông NLQ1 có ký Hợp đồng tín dụng 7302LAV201202480 ngày 18/04/2012; Hợp đồng tín dụng số 7302LAV201206629 , ngày 14/9/2012. Để đảm bảo số tiền vay bà Q có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 7302.LCL.201206256, ngày 24/11/2011, Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 7302.LCP.201206257, ngày 14/9/2012.

Thực hiện hợp đồng giữa Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H với bà Q thì:

Theo Hợp đồng tín dụng 7302LAV201202480 ngày 18/04/2012 thì bà Q, ông NLQ1 trả lãi đến ngày 31/3/2014 là 14.140.277 đồng thì ngưng, đến nay không trả gốc.

Theo Hợp đồng tín dụng số 7302LAV201206629, ngày 14/9/2012 thì bà Q, ông NLQ1 trả lãi đến ngày 30/9/2013 là 48.765.556 đồng, ngày 19/9/2013 trả được 10.000.000đ, đến nay không trả thêm gốc, lãi là có thật vì được bà Q, ông NLQ1 thừa nhận. Bà Q không đồng ý cùng ông NLQ1 trả nợ vay cho Ngân hàng, nhưng theo các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bà Q là phù hợp với ý chí của bà Q, bởi bà Q biết rõ bản thân không có nhu cầu sử dụng vốn vay mà vay dùm cho ông NLQ1 (ông NLQ1 là anh của bà Q), ông NLQ1 đưa tiền cho ông NLQ8 và bà NLQ9 sử dụng. Bà

Q đã tự nguyện ký các hợp đồng, chứng từ giao dịch với Ngân hàng và Ngân hàng đã chấp thuận giải ngân, ông NLQ1 là người nhận gốc và trả lãi với Ngân hàng. Do đó, đủ căn cứ việc bà Q ký kết hợp đồng tín dụng là tự nguyện, không bị ép buộc, biết rõ mục đích vay, nên bà Q phải có trách nhiệm trả các khoản gốc, lãi cho Ngân hàng, ông NLQ1 đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng. Như vậy, bà Q, ông NLQ1 liên đới trả gốc, lãi và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng là phù hợp.

Đối với các hợp đồng thế chấp ông NLQ2 thừa nhận đã ký nhưng không biết là vay Ngân hàng vì lúc đó ông NLQ2 có nợ bà NLQ9 số tiền mua cam là 5.000.000đ, nên bà NLQ9 yêu cầu ông NLQ2 giao quyền sử dụng đất cho bà NLQ9 làm thủ tục tách thửa để trả nợ, cho thấy việc ký kết là tự nguyện, không bị ép buộc. Bà Bầy cho rằng không có ký, không biết gì việc ký thế chấp vay vốn Ngân hàng là không có căn cứ vì ông NLQ2 là chồng bà BNLQ3, bà NLQ3 không có chứng cứ chứng minh. Hợp đồng tuân thủ đúng nội dung và hình thức và được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản nếu ông NLQ1, bà Q không trả được nợ vay là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp...”. Các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ khác, nên không có căn cứ xem xét.

Yêu cầu của Ngân hàng phù hợp quy định tại các Điều 90, khoản 2 Điều 91 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng, nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng.

Ông NLQ1 không có yêu cầu bà NLQ9 trả tiền, nên miễn xét.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng, bà Q, ông NLQ1 phải chịu, nguyên đơn Ngân hàng đã nộp xong, nên buộc nộp hoàn trả.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đại diện của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa và nhận định trên, nên chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc bà Q, ông NLQ1 liên đới nộp 36.350.300 đồng tiền án phí giá ngạch của khoản tiền phải trả.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 30 và các Điều 35, 39, 91, 147, 150, 157, 158, 244, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015; các Điều 24, 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H;

1. Buộc bị đơn bà Lê Thị Kim Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 phải có trách nhiệm liên đới trả nguyên đơn Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H tiền gốc là 380.000.000đ, lãi tính đến ngày 431.677.111 đồng (trong đó lãi trong hạn là 341.156.944 đồng, lãi quá hạn 90.520.167 đồng), tổng cộng gốc, lãi là 811.677.111 đồng (tám trăm mười một triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, một trăm mười một đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 27/11/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng 7302LAV201202480, ngày 18/04/2012; Hợp đồng tín dụng số 7302LAV201206629, ký ngày 14/9/2012.

2. Trường hợp bị đơn bà Lê Thị Kim Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 không trả nợ vay cho Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H, thì Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H, có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền, phát mãi toàn bộ tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 7302.LCL.201206256, ngày 24/11/2011, Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 7302.LCP.201206257, ngày 14/9/2012 để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn bà Lê Thị Kim Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 phải chịu là 1.000.000 đồng. Nên buộc bị đơn bà Lê Thị Kim Q; ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 liên đới nộp hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Lê Thị Kim Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 liên đới nộp nộp 36.350.300 đồng (ba mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi nghìn, ba trăm đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng X- Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch H 10.539.000 đồng (mười triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai số N^o 022080, ngày 01 tháng 10 năm 2014.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAT;
- VKSND huyện Mang Thít;
- CCTHADS huyện Mang Thít;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Hồng Phúc